TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Huỳnh Thị Lượng;

Ông Đào Văn Nô.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 466/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-3-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27-3-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, thị xã TU, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, thị xã TU, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Đỗ Văn H tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 2000. Ông H và bà H đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Vĩnh H, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2008, quyển số 01 vào ngày 07-6-2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 3, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B. Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn. Năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2001 đến năm 2007. Cuối năm 2007, do cha mẹ hai bên khuyên giải nên vợ chồng về chung sống với nhau. Tuy nhiên, sau khi bà H sinh con thứ hai thì cuộc sống hôn nhân lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong tất cả các vấn đề trong cuộc sống, không nhường nhìn nhau. Hiện nay, bà H và ông H đã sống ly thân với nhau khoảng 09 tháng. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau không ai quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Đỗ Ngọc H, sinh ngày 04-9-2001 và Đỗ N, sinh ngày 27-9-2009. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Đỗ N, sinh ngày 27-9-2009 và ông H trực tiếp nuôi con tên Đỗ Ngọc H, sinh ngày 04-9-2001. Nhưng theo nguyện vọng của con muốn sống chung với mẹ và hiện tại hai con đang sống chung với bà H nên bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Đỗ Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Bản sao Giấy khai sinh mang tên Đỗ N và Đỗ Ngọc H;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân mang + bản sao sổ hộ khẩu mang tên Phạm Thị H;

Bị đơn ông Đỗ Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 20-3-2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh B thì ông Đỗ Văn H có sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã TU, tỉnh B. Về mâu thuẫn của vợ chồng cũng như yêu cầu nuôi con chung thì đại diện chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

Về nội dung: Bà Phạm Thị H và ông Đỗ Văn H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Vĩnh H, huyện T (nay là thị xã T),

tỉnh B đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2008, quyển số 01 vào ngày 07-6-2008. Bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà H và ông H hiện nay đã sống ly thân với nhau. Bà H yêu cầu được quyền nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ N và Đỗ Ngọc H; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn H và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Đỗ Văn H có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã TU, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25-12-2017 và 25-01-2018 nhưng ông H vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Đỗ Văn H tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27-3-2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông H tham gia phiên tòa vào ngày 17-4-2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do là ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Đỗ Văn H là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B theo đúng quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2008, quyển số 01 vào ngày 07-6-2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông H và bà H đã sống ly thân với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông H hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Khi vợ hoặc chồng yêu*

cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[4]. Về con chung: Bà H và ông H có 02 người con chung tên Đỗ N, sinh ngày 27-9-2009 và Đỗ Ngọc H, sinh ngày 04-9-2001. Bà Phạm Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của con (Tại Bản tự khai ngày 25-01-2018, cháu Đỗ N và cháu Đỗ Ngọc H có nguyện vọng được ở với mẹ) không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Đỗ Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Đỗ Văn H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ N, sinh ngày 27-9-2009 và Đỗ Ngọc H, sinh ngày 04-9-2001 cho bà Phạm Thị H được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Văn H và bà Phạm Thị H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013463, ngày 10-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND TỈNH B;
- VKSND TỈNH B;
- VKSND THỊ XÃ T;
- Chi cục THA Dân sự thị xã T;
- UBND xã Tân Vĩnh H;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Huỳnh Thị Lượng	**Nguyễn Thị Ngọc Anh**	**Võ Thị Hồng Thêm**